

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2021

*“V/v không công nhận quan hệ  
vợ chồng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quách Trọng Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Chuẩn và bà Lê Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc *“Không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Chu Thị L, sinh năm 1976, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ti, xã T huyện S, tỉnh Đắk Nông.

**2. Bị đơn:** Ông Lương Đức T, sinh năm 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ti, xã T huyện S, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021, trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Chu Thị L trình bày:*

Bà L và ông Lương Đức T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống Bà L và ông T hay bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề của cuộc sống, hiện nay Bà L và ông T không còn tình cảm với nhau do đó đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ giữa ông T và Bà L vợ chồng.

Về con chung: Các con chung Bà L và ông T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà Chu Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 02/7/2021 bà Chu Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Đối với ông Lương Đức T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, tất cả các văn bản của Tòa án đều được tổng đạt hợp lệ cho ông T, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản về việc không tổng đạt được văn bản của Tòa án và niêm yết theo quy định của pháp luật để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và sự tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

- *Về tố tụng:* Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Chu Thị L và ông Lương Đức T là vợ chồng;

Về con chung, về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. *Về tố tụng:* Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lương Đức T là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lương Đức T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn Ti, xã T huyện S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Chu Thị L và ông Lương Đức T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống; hiện nay Bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông T.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa*

*vụ giữa vợ và chồng... ”. Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bà L và ông T sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn; nay Bà L không còn tình cảm với ông T và không muốn tiếp tục sống chung với ông T nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liên, tuyên bố không công nhận bà Chu Thị L và ông Lương Đức T là vợ chồng.*

[3]. *Về con chung*: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà Chu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 14, Điều 15, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Chu Thị L và ông Lương Đức T là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Chu Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0005311 ngày 13 tháng 4 năm 2021.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Quách Trọng Sơn**